

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho một số hộ dân bị ảnh hưởng do GPMB để thực hiện dự án Khu du lịch sinh thái Đầm Thị Nại (Thị Nại ECO Bay) tại Khu A2 thuộc Khu Đô thị - Thương mại Bắc sông Hà Thanh, thành phố Quy Nhơn**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019;*

*Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành bảng giá các loại đất định kỳ 5 năm (năm 2020 - 2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;*

*Căn cứ Quyết định số 2073/QĐ-UBND ngày 29/05/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án điều chỉnh giá đất và giá đất cụ thể để lập phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng (GPMB) xây dựng Dự án Khu du lịch sinh thái Đầm Thị Nại (Thị Nại Eco Bay) Khu A2, Khu Đô thị - Thương mại Bắc sông Hà Thanh, thành phố Quy Nhơn;*

*Theo đề nghị của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Tờ trình số 24/TTr-TTPTQĐ ngày 02/3/2021 và ý kiến thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 181/TTr-STNMT ngày 18/3/2021.*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho một số hộ dân bị ảnh hưởng do GPMB để dự án Khu du lịch sinh thái Đầm Thị Nại (Thị Nại ECO Bay) Khu A2 thuộc Khu Đô thị - Thương mại Bắc sông Hà Thanh, thành phố Quy Nhơn, với một số nội dung cụ thể như sau:

1. Về bồi thường, hỗ trợ:

Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ, chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) và chi phí dự phòng tổ chức thực hiện cưỡng chế là **3.981.994.000 đồng** (Ba tỷ, chín trăm tám mươi một triệu, chín trăm chín mươi bốn nghìn đồng), trong đó:

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ: 3.896.275.000 đồng.
  - Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 77.926.000 đồng.  
(Trong đó, chi phí thẩm định 0,2% là 7.793.000 đồng. Riêng chi phí thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường (70%) là 5.455.000 đồng).
  - Kinh phí dự phòng cưỡng chế thu hồi đất: 7.793.000 đồng.
- Nguồn vốn chi trả: Từ nguồn vốn ứng trước của Công ty cổ phần Yên Ngọc Bình Định.

*(Chi tiết như Phụ lục 1,2,3 kèm theo)*

**2. Về tái định cư:**

- Giao 17 lô đất ở tái định cư cho 17 hộ dân, với tổng diện tích là 902,62m<sup>2</sup>.
- Tổng số tiền sử dụng đất các hộ phải nộp là 12.292.360.000 đồng.

*(Chi tiết như Phụ lục 4 kèm theo)*

**Điều 2.** Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh chủ trì, phối hợp với các ngành và địa phương tổ chức triển khai thực hiện.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn; Giám đốc Công ty cổ phần Yên Ngọc Bình Định và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K4, K14, K16.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tuấn Thanh**

**Phụ lục 01**

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHO CÁC HỘ DÂN BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU DU LỊCH SINH THÁI ĐÀM THỊ NẠI (THI NAI ECO BAY) KHU A2 THUỘC KHU ĐÔ THỊ THƯƠNG MẠI - BẮC SÔNG HÀ THANH, THÀNH PHỐ QUY NHƠN**

*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

*ĐVT: đồng*

<b>STT</b>	<b>Hộ dân</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Giá trị bồi thường, hỗ trợ</b>
<b>I</b>	<b>Các trường hợp được bồi thường đất ở</b>		<b>2.719.837.000</b>
1	Hộ Nguyễn Văn Tâm, vợ Hồ Thị Gái	Tổ 49, KP 9A, P. Đống Đa, TP Quy Nhơn	579.280.000
2	Hộ Võ Ngọc Mận, vợ Tạ Thị Mỹ Dung	Tổ 49, KP 9A, P. Đống Đa, TP Quy Nhơn	525.765.000
3	Hộ Võ Ngọc Đào	Tổ 49, KP 9A, P. Đống Đa, TP Quy Nhơn	263.518.000
4	Hộ Nguyễn Thị Thuận và Võ Duy Tèo	Tổ 49, KP 9A, P. Đống Đa, TP Quy Nhơn	263.460.000
5	Hộ Phạm Minh Thoại, vợ Lê Yến Linh	Tổ 49, KP 9A, P. Đống Đa, TP Quy Nhơn	244.412.000
6	Hộ Huỳnh Thanh Vương, vợ Vương Thị Ánh Cúc	Tổ 49, KP 9A, P. Đống Đa, TP Quy Nhơn	115.280.000
7	Hộ Huỳnh Ngọc Tiếp, vợ Lê Thị Cẩm Ninh	Tổ 49, KP 9A, P. Đống Đa, TP Quy Nhơn	169.727.000
8	Hộ Huỳnh Thanh Hoán và Trần Thị Thu Hiền	Tổ 49, KP 9A, P. Đống Đa, TP Quy Nhơn	177.300.000
9	Hộ bà Hồ Thị Mai (chết) các con Huỳnh Thị Hồng Hoa & Huỳnh Thị Hồng Hoa Thu Tiến Liên & Huỳnh Bảo Đông Đại diện kê khai	Tổ 49, KP 9A, P. Đống Đa, TP Quy Nhơn	190.087.000
10	Hộ Lê Minh Hải, vợ Hồ Thúy Vân	80 đường Lương Đình Của, P. Lý Thường Kiệt, TP Quy Nhơn	191.008.000
<b>II</b>	<b>Các trường hợp không được bồi thường đất ở</b>		<b>863.438.000</b>
1	Hộ Lê Hoàng Dũng, vợ Trương Thị Hồng Gấm	Tổ 49, KP 9A, P. Đống Đa, TP Quy Nhơn	106.745.000
2	Hộ Lê Kim Đồng, vợ Lê Thị Phương Uyên	Tổ 49, KP 9A, P. Đống Đa, TP Quy Nhơn	77.144.000
3	Hộ Lê Thị Tuyết Nhung	Tổ 49, KP 9A, P. Đống Đa, TP Quy Nhơn	15.967.000
4	Hộ Huỳnh Minh Quang và Huỳnh Thị Bảo Trâm	Tổ 49, KP 9A, P. Đống Đa, TP Quy Nhơn	210.353.000

5	Hộ Võ Văn Việt, vợ Nguyễn Trần Thanh Thủy	Tổ 49, KP 9A, P. Đổng Đa, TP Quy Nhơn	85.424.000
6	Hộ Trần Vũ Quang Thịnh, vợ Đinh Thị Ngọc Bích	Tổ 24, KV4, P. Lê Hồng Phong, TP Quy Nhơn	64.217.000
7	Hộ Dương Thanh Hào, vợ Hồ Thị Kiều Tiên	Tổ 49, KP 9A, P. Đổng Đa, TP Quy Nhơn	173.146.000
8	Hộ Dương Thanh Quốc, vợ Võ Thị Thảo	Tổ 49, KP 9A, P. Đổng Đa, TP Quy Nhơn	35.406.000
9	Hộ Lê Văn Túc, vợ Hồ Thị Ngọc Sương	Đội 1, thôn Luật Lễ, thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước	95.036.000
10	Hộ Dương Thanh Hậu, vợ Bùi Thị Thanh Chung	Tổ 47, KP9, P. Đổng Đa, TP Quy Nhơn	0
11	Hộ Nguyễn Hữu Hùng, vợ Lê Thị Phương Trang	Tổ 1, KV8, P. Nhơn Phú, TP Quy Nhơn	0
<b>III</b>	<b>Giá trị thuê nhà ở (Phụ lục 02)</b>		<b>220.000.000</b>
<b>IV</b>	<b>Giá trị thưởng đẩy nhanh tiến độ GPMB (Phụ lục 03)</b>		<b>93.000.000</b>
<b>V</b>	<b>Tổng giá trị BT, HT: (I + II + III+IV)</b>		<b>3.896.275.000</b>
<b>VI</b>	<b>Chi phí GPMB 2%: (V x 2%)</b>		<b>77.926.000</b>
<b>VII</b>	<b>Chi phí dự phòng tổ chức thực hiện cưỡng chế (VI x 10%)</b>		<b>7.793.000</b>
<b>VIII</b>	<b>Tổng cộng: (IV + V + VI)</b>		<b>3.981.994.000</b>

*(Bảng chữ: Ba tỷ, chín trăm tám mươi một triệu, chín trăm chín mươi bốn nghìn đồng)*

**Phụ lục 02****BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ HỖ TRỢ THUÊ NHÀ Ở***(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

<b>STT</b>	<b>Hộ dân</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Hỗ trợ thuê nhà ở</b>
1	Hộ Nguyễn Văn Tâm, vợ Hồ Thị Gái	Tổ 49, KP 9A, P. Đống Đa, TP Quy Nhơn	15.000.000
2	Hộ Võ Ngọc Mận, vợ Tạ Thị Mỹ Dung	Tổ 49, KP 9A, P. Đống Đa, TP Quy Nhơn	15.000.000
3	Hộ Võ Ngọc Đào	Tổ 49, KP 9A, P. Đống Đa, TP Quy Nhơn	15.000.000
4	Hộ Nguyễn Thị Thuận và Võ Duy Tèo	Tổ 49, KP 9A, P. Đống Đa, TP Quy Nhơn	15.000.000
5	Hộ Phạm Minh Thoại, vợ Lê Yến Linh	Tổ 49, KP 9A, P. Đống Đa, TP Quy Nhơn	15.000.000
6	Hộ Huỳnh Thanh Vương, vợ Vương Thị Ánh Cúc	Tổ 49, KP 9A, P. Đống Đa, TP Quy Nhơn	15.000.000
7	Hộ Huỳnh Ngọc Tiếp, vợ Lê Thị Cẩm Ninh	Tổ 49, KP 9A, P. Đống Đa, TP Quy Nhơn	15.000.000
8	Hộ Huỳnh Thanh Hoán và Trần Thị Thu Hiền	Tổ 49, KP 9A, P. Đống Đa, TP Quy Nhơn	15.000.000
9	Hộ bà Hồ Thị Mai (chết) các con Huỳnh Thị Hồng Hoa & Huỳnh Thị Hồng Hoa Thu Tiên Liên & Huỳnh Bảo Đông Đại diện kê khai	Tổ 49, KP 9A, P. Đống Đa, TP Quy Nhơn	15.000.000
10	Hộ Lê Minh Hải, vợ Hồ Thúy Vân	80 đường Lương Đình Cửa, P. Lý Thường Kiệt, TP Quy Nhơn	15.000.000
11	Hộ Lê Hoàng Dũng, vợ Trương Thị Hồng Gấm	Tổ 49, KP 9A, P. Đống Đa, TP Quy Nhơn	10.000.000
12	Hộ Lê Kim Đồng, vợ Lê Thị Phương Uyên	Tổ 49, KP 9A, P. Đống Đa, TP Quy Nhơn	10.000.000
13	Hộ Huỳnh Minh Quang và Huỳnh Thị Bảo Trâm	Tổ 49, KP 9A, P. Đống Đa, TP Quy Nhơn	10.000.000
14	Hộ Võ Văn Việt, vợ Nguyễn Trần Thanh Thủy	Tổ 49, KP 9A, P. Đống Đa, TP Quy Nhơn	10.000.000
15	Hộ Trần Vũ Quang Thịnh, vợ Đinh Thị Ngọc Bích	Tổ 24, KV4, P. Lê Hồng Phong, TP Quy Nhơn	10.000.000
16	Hộ Dương Thanh Hào, vợ Hồ Thị Kiều Tiên	Tổ 49, KP 9A, P. Đống Đa, TP Quy Nhơn	10.000.000
17	Hộ Lê Văn Túc, vợ Hồ Thị Ngọc Sương	Đội 1, thôn Luật Lễ, thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước	10.000.000
	<b>Tổng cộng</b>		<b>220.000.000</b>

*(Bằng chữ: Hai trăm hai mươi triệu đồng)*

### Phụ lục 03

#### BẢNG TỔNG HỢP THƯỜNG ĐẨY NHANH TIẾN ĐỘ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN KHU DU LỊCH SINH THÁI ĐÀM THỊ NẠI (THI NAI ECO BAY) KHU A2 THUỘC KHU ĐÔ THỊ THƯƠNG MẠI - BẮC SÔNG HÀ THANH, THÀNH PHỐ QUY NHƠN

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Hộ dân	Địa chỉ	Thưởng đẩy nhanh tiến độ GPMB (nếu có)
1	Hộ Nguyễn Văn Tâm, vợ Hồ Thị Gái	Tổ 49, KP9A, P.Đống Đa, TP Quy Nhơn	5.000.000
2	Hộ Võ Ngọc Mận, vợ Tạ Thị Mỹ Dung	Tổ 49, KP9A, P.Đống Đa, TP Quy Nhơn	5.000.000
3	Hộ Võ Ngọc Đào	Tổ 49, KP9A, P.Đống Đa, TP Quy Nhơn	5.000.000
4	Hộ Nguyễn Thị Thuận và Võ Duy Tèo	Tổ 49, KP 9A, P. Đống Đa, TP Quy Nhơn	5.000.000
5	Hộ Phạm Minh Thoại, vợ Lê Yến Linh	Tổ 49, KP9A, P.Đống Đa, TP Quy Nhơn	5.000.000
6	Hộ Huỳnh Thanh Vương, vợ Vương Thị Ánh Cúc	Tổ 49, KP9A, P.Đống Đa, TP Quy Nhơn	5.000.000
7	Hộ Huỳnh Ngọc Tiếp, vợ Lê Thị Cẩm Ninh	Tổ 49, KP 9A, P. Đống Đa, TP Quy Nhơn	5.000.000
8	Hộ Huỳnh Thanh Hoán và Trần Thị Thu Hiền	Tổ 49, KP9A, P.Đống Đa, TP Quy Nhơn	5.000.000
9	Hộ bà Hồ Thị Mai (chết) các con Huỳnh Thị Hồng Hoa & Huỳnh Thị Hồng Hoa Thu Tiến Liên & Huỳnh Bảo Đông Đại diện kê khai	Tổ 49, KP 9A, P. Đống Đa, TP Quy Nhơn	5.000.000
10	Hộ Lê Minh Hải, vợ Hồ Thúy Vân	80 đường Lương Đình Của, phường Lý Thường Kiệt, TP Quy Nhơn	5.000.000
11	Hộ Lê Hoàng Dũng, vợ Trương Thị Hồng Gấm	Tổ 49, KP9A, P.Đống Đa, TP Quy Nhơn	5.000.000
12	Hộ Lê Kim Đồng, vợ Lê Thị Phương Uyên	Tổ 49, KP 9A, P. Đống Đa, TP Quy Nhơn	5.000.000
13	Hộ Lê Thị Tuyết Nhung	Tổ 49, KP9A, P.Đống Đa, TP Quy Nhơn	1.000.000

STT	Hộ dân	Địa chỉ	Thưởng đẩy nhanh tiến độ GPMB (nếu có)
14	Hộ Huỳnh Minh Quang và Huỳnh Thị Bảo Trâm	Tổ 49, KP 9A, P. Đổng Đa, TP Quy Nhơn	5.000.000
15	Hộ Võ Văn Việt, vợ Nguyễn Trần Thanh Thủy	Tổ 49, KP 9A, P. Đổng Đa, TP Quy Nhơn	5.000.000
16	Hộ Trần Vũ Quang Thịnh, vợ Đinh Thị Ngọc Bích	Tổ 24, KV4, P. Lê Hồng Phong, TP Quy Nhơn	5.000.000
17	Hộ Dương Thanh Hào, vợ Hồ Thị Kiều Tiên	Tổ 49, KP9A, P.Đổng Đa, TP Quy Nhơn	5.000.000
18	Hộ Dương Thanh Quốc, vợ Võ Thị Thảo	Tổ 49, KP 9A, P. Đổng Đa, TP Quy Nhơn	5.000.000
19	Hộ Lê Văn Túc, vợ Hồ Thị Ngọc Sương	Đội 1, thôn Luật Lễ, thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước	5.000.000
20	Hộ Dương Thanh Hậu, vợ Bùi Thị Thanh Chung	Tổ 47, KP9, P. Đổng Đa, TP Quy Nhơn	1.000.000
21	Hộ Nguyễn Hữu Hùng, vợ Lê Thị Phương Trang	Tổ 1, KV8, phường Nhơn Phú, TP Quy Nhơn	1.000.000
<b>Tổng</b>			<b>93.000.000</b>

*(Bằng chữ: Chín mươi ba triệu đồng)*

**Phục lục 04**

**BẢNG TỔNG HỢP LÔ ĐẤT TÁI ĐỊNH CƯ VÀ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT PHẢI NỘP CỦA CÁC HỘ DÂN BỊ  
ẢNH HƯỞNG DO GPMB ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU DU LỊCH SINH THÁI ĐÀM THỊ NẠI  
KHU A2 THUỘC KHU ĐÔ THỊ - THƯƠNG MẠI BẮC SÔNG HÀ THANH, THÀNH PHỐ QUY NHƠN**

*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

STT	Hộ dân	Địa chỉ	Diện tích đất ở bồi thường (m <sup>2</sup> )	Giao đất theo Điều 42		Vị trí lô đất được giao và giá trị tiền sử dụng đất chủ hộ phải nộp								
				K.1	K.3	Ký hiệu lô đất	Đường (lộ giới)	Diện tích lô đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu tiền (m <sup>2</sup> )		Đơn giá nộp tiền sử dụng đất		Hệ số K	Giá trị tiền sử dụng đất hộ thực nộp (chưa tính các khoản lệ phí)
									Theo giá đất cụ thể	Theo giá đất thị trường	Giá đất cụ thể (đ/m <sup>2</sup> )	Giá đất thị trường (đ/m <sup>2</sup> )		
a	b	c	1	2	3	4	5	6	7=1	8=6-7	9	10		11={ (7*9) + (8*10) } * K
<b>I</b>	<b>Khu tái định cư phục vụ dự án Khu Đô thị - Thương mại Bắc sông Hà Thanh, thành phố Quy Nhơn</b>		<b>236,30</b>	<b>4</b>				<b>325,32</b>						<b>3.492.760.000</b>
1	Võ Ngọc Đào	Tổ 49, Khu phố 9A, Phường Đồng Đa, TP Quy Nhơn	47,20	1		57-A3	ĐS 5 (13m)	76,90	47,20	29,70	8.000.000	18.000.000	1	912.200.000
2	Võ Duy Tèo, vợ Nguyễn Thị Thuận	Tổ 49, Khu phố 9A, Phường Đồng Đa, TP Quy Nhơn	52,20	1		58-A3	ĐS 5 (13m)	76,90	52,20	24,70	8.000.000	18.000.000	1	862.200.000
3	Phạm Minh Thoại, vợ Lê Yến Linh	Tổ 49, Khu phố 9A, Phường Đồng Đa, TP Quy Nhơn	43,10	1		59-A3	ĐS 5 (13m)	76,90	43,10	33,80	8.000.000	18.000.000	1	953.200.000
4	Võ Ngọc Mận, vợ Tạ Thị Mỹ Dung	Tổ 49, Khu phố 9A, Phường Đồng Đa, TP Quy Nhơn	93,80	1		60-A3	ĐS 5 (13m)	94,62	93,80	0,82	8.000.000	18.000.000	1	765.160.000
<b>II</b>	<b>Khu tái định cư phục vụ dự án đường Lê Hồng Phong nối dài, Phường Đồng Đa, thành phố Quy Nhơn (Khu tái định cư phục vụ dự án Khu Đô thị - Thương mại Bắc sông Hà Thanh, thành phố Quy Nhơn điều chỉnh)</b>		<b>173,60</b>	<b>6</b>	<b>7</b>			<b>577,30</b>						<b>8.799.600.000</b>

5	Nguyễn Văn Tâm, vợ Hồ Thị Gái	Tổ 49, Khu phố 9A, Phường Đồng Đa, TP Quy Nhơn	85,40	1		15 - OLK-11B (lô góc)	ĐS 4-ĐS8 (14m - 12m)	87,50	85,40	2,10	8.000.000	18.000.000	1,2	865.200.000
6	Lê Minh Hải, vợ Hồ Thúy Vân	80 đường Lương Đình Của, Phường Lý Thường Kiệt, TP Quy Nhơn	29,80	1		8đ - OLK-11B	ĐS 8 (12m)	43,90	29,80	14,10	8.000.000	18.000.000	1	492.200.000
7	Huỳnh Thanh Vương, vợ Vương Thị Ánh Cúc	Tổ 49, Khu phố 9A, Phường Đồng Đa, TP Quy Nhơn	6,00	1		9đ - OLK-11B	ĐS 8 (12m)	40,50	6,00	34,50	8.000.000	18.000.000		669.000.000
8	Hồ Thị Mai (chết) các con Huỳnh Thị Hồng Hoa, Huỳnh Thị Hồng Hoa Thu Tiên Liên & Huỳnh Bảo Đông cùng đại diện	Tổ 49, Khu phố 9A, Phường Đồng Đa, TP Quy Nhơn	6,20	1		10đ - OLK-11B	ĐS 8 (12m)	40,70	6,20	34,50	8.000.000	18.000.000	1	670.600.000
9	Huỳnh Ngọc Tiếp, vợ Lê Thị Cẩm Ninh	Tổ 49, Khu phố 9A, Phường Đồng Đa, TP Quy Nhơn	21,10	1		11đ - OLK-11B	ĐS 8 (12m)	41,70	21,10	20,60	8.000.000	18.000.000	1	539.600.000
10	Huỳnh Thanh Hoán, vợ Trần Thị Thu Hiền	Tổ 49, Khu phố 9A, Phường Đồng Đa, TP Quy Nhơn	25,10	1		12đ - OLK-11B	ĐS 8 (12m)	43,00	25,10	17,90	8.000.000	18.000.000	1	523.000.000
11	Dương Thanh Hào, vợ Hồ Thị Kiều Tiên	Tổ 49, Khu phố 9A, Phường Đồng Đa, TP Quy Nhơn			1	20đ - OLK-11B	ĐS4-A (12m)	40,00	0,00	40,00		18.000.000	1	720.000.000
12	Võ Văn Việt, vợ Nguyễn Trần Thanh Thủy	Tổ 49, Khu phố 9A, Phường Đồng Đa, TP Quy Nhơn			1	19đ - OLK-11B	ĐS4-A (12m)	40,00	0,00	40,00		18.000.000	1	720.000.000
13	Trần Vũ Quang Thịnh, vợ Đinh Thị Ngọc Bích	Tổ 24, KV4, P. Lê Hồng Phong, TP Quy Nhơn			1	18đ - OLK-11B	ĐS4-A (12m)	40,00	0,00	40,00		18.000.000	1	720.000.000
14	Huỳnh Minh Quang, vợ Huỳnh Thị Bảo Trâm	Tổ 49, Khu phố 9A, Phường Đồng Đa, TP Quy Nhơn			1	17đ - OLK-11B	ĐS4-A (12m)	40,00	0,00	40,00		18.000.000	1	720.000.000

15	Lê Kim Đồng, vợ Lê Thị Phương Uyên	Tổ 49, Khu phố 9A, Phường Đồng Đa, TP Quy Nhơn			1	16đ - OLK-11B	ĐS4-A (12m)	40,00	0,00	40,00		18.000.000	1	720.000.000
16	Lê Hoàng Dũng, vợ Trương Thị Hồng Gấm	Tổ 49, Khu phố 9A, Phường Đồng Đa, TP Quy Nhơn			1	15đ - OLK-11B	ĐS4-A (12m)	40,00	0,00	40,00		18.000.000	1	720.000.000
17	Lê Văn Túrc, vợ Hồ Thị Ngọc Sương	Đội 1, thôn Luật Lễ, TT Diêu Trì, huyện Tuy Phước			1	14đ - OLK-11B	ĐS4-A (12m)	40,00	0,00	40,00		18.000.000	1	720.000.000
<b>Tổng cộng (I + II)</b>			<b>409,90</b>	<b>10</b>	<b>7</b>			<b>902,62</b>						<b>12.292.360.000</b>